

Số: /TTr-STNMT

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2023

### TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt Phương án giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất tại Khu tái định cư Đồng Ao, thôn Phước Luông và Khu tái định cư Đồng Ngõ, thôn Phước Hiệp thuộc xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức phục vụ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025, qua xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: UBND tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017);

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất (được sửa đổi, bổ sung tại các Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016, số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017, số 79/2019/NĐ-CP ngày 26/10/2019);

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017);

Căn cứ Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh ban hành quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 – 2024) (được sửa đổi, bổ sung tại các Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 và số 24/2023/QĐ-UBND ngày 12/6/2023);

Căn cứ Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (được sửa đổi tại Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 27/4/2023); Trên cơ sở phương án giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất tại nơi tái định cư do UBND huyện Mộ Đức xây dựng, đề xuất tại Tờ trình số 111/TTr-UBND ngày 26/7/2023; kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tại Thông báo số 39/TB-HĐTĐGD ngày 09/8/2023, Sở Tài nguyên và Môi

trường kính trình UBND tỉnh phê duyệt giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất tại Khu tái định cư Đồng Ao, thôn Phước Luông và Khu tái định cư Đồng Ngõ, thôn Phước Hiệp thuộc xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức phục vụ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025, qua xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

### **I. Nguyên tắc xây dựng, đề xuất phương án giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư**

Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (được sửa đổi tại Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 27/4/2023 của UBND tỉnh), cụ thể:

*“Điều 23. Giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư*

*1. Giá đất tính thu tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư là giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.*

*a) Đối với các hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện bố trí tái định cư thì giá đất tính thu tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư được xác định bằng (=) hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án do UBND tỉnh ban hành nhân (x) với giá đất ở trong bảng giá các loại đất do UBND tỉnh ban hành;*

*b) Đối với các hộ gia đình, cá nhân được giao đất tái định cư; phần diện tích đất chênh lệch giữa diện tích đất tái định cư với diện tích đất ở bị thu hồi quy định tại Khoản 2, 4, 5, 6 và 7 Điều 20; Khoản 1, 2 Điều 22 tại Quy định này thì được xác định bằng (=) hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án do UBND tỉnh ban hành nhân (x) với giá đất ở trong bảng giá các loại đất do UBND tỉnh ban hành nhân (x) với 1,3 nhưng không thấp hơn suất đầu tư hạ tầng của dự án; trường hợp mà thấp hơn suất đầu tư hạ tầng của dự án thì lấy theo suất đầu tư hạ tầng của dự án.*

*2. Việc xác định giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư được thực hiện như sau:*

*Trên cơ sở nguyên tắc xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều này, UBND cấp huyện nơi có đất thu hồi phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường tiến hành xây dựng và đề xuất phương án giá đất cụ thể cho từng vị trí đất tái định cư, lập văn bản, hồ sơ đề nghị gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp trình Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thẩm định trước khi trình UBND tỉnh quyết định.”*

### **II. Cơ sở đề xuất phương án giá đất cụ thể:**

1. Khu tái định cư Đồng Ao, thôn Phước Luông, xã Đức Hòa:

- Giá đất quy định trong bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành:

+ Đối với đất mặt tiền đường có mặt đường rộng 7m Khu tái định cư Đồng Ao thuộc vị trí 4, khu vực 2, với đơn giá **850.000 đồng/m<sup>2</sup>** (tại Quyết định số 24/2023/QĐUBND ngày 12/6/2023 của UBND tỉnh).

+ Đối với đất mặt tiền đường có mặt đường rộng 6m Khu tái định cư Đồng Ao thuộc vị trí 5, khu vực 2, với đơn giá **650.000 đồng/m<sup>2</sup>** (tại Quyết định số 24/2023/QĐUBND ngày 12/6/2023 của UBND tỉnh).

- Giá đất quy định trong bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành nhân (x) hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất (tại Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh):

+ Đối với đất mặt tiền đường có mặt đường rộng 7m Khu tái định cư Đồng Ao là:  $850.000 \text{ đồng/m}^2 \times 1,0 \text{ lần} = \mathbf{850.000 \text{ đồng/m}^2}$ .

+ Đối với đất mặt tiền đường có mặt đường rộng 6m Khu tái định cư Đồng Ao là:  $650.000 \text{ đồng/m}^2 \times 1,0 \text{ lần} = \mathbf{650.000 \text{ đồng/m}^2}$ .

- Giá đất quy định trong bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành nhân (x) hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất (tại Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh) nhân (x) với 1,3:

+ Đối với đất mặt tiền đường có mặt đường rộng 7m Khu tái định cư Đồng Ao là:  $850.000 \text{ đồng/m}^2 \times 1,0 \text{ lần} \times 1,3 = \mathbf{1.105.000 \text{ đồng/m}^2}$ .

+ Đối với đất mặt tiền đường có mặt đường rộng 6m Khu tái định cư Đồng Ao là:  $650.000 \text{ đồng/m}^2 \times 1,0 \text{ lần} \times 1,3 = \mathbf{845.000 \text{ đồng/m}^2}$ .

- Suất đầu tư hạ tầng của dự án Khu tái định cư Đồng Ao, thôn Phước Luông, xã Đức Hòa là: **2.046.655 đồng/m<sup>2</sup>** (theo Công văn số 2681/UBND-KTN ngày 13/6/2023 của UBND tỉnh).

## 2. Khu tái định cư Đồng Ngõ, thôn Phước Hiệp, xã Đức Hòa:

- Giá đất quy định trong bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành:

+ Đối với đất mặt tiền đường có mặt đường rộng 7m Khu tái định cư Đồng Ngõ thuộc vị trí 1, khu vực 3, với đơn giá **500.000 đồng/m<sup>2</sup>** (tại Quyết định số 24/2023/QĐUBND ngày 12/6/2023 của UBND tỉnh).

+ Đối với đất mặt tiền đường có mặt đường rộng 6m Khu tái định cư Đồng Ngõ thuộc vị trí 2, khu vực 3, với đơn giá **400.000 đồng/m<sup>2</sup>** (tại Quyết định số 24/2023/QĐUBND ngày 12/6/2023 của UBND tỉnh).

- Giá đất quy định trong bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành nhân (x) hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất (tại Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh):

+ Đối với đất mặt tiền đường có mặt đường rộng 7m Khu tái định cư Đồng Ngõ là:  $500.000 \text{ đồng/m}^2 \times 1,0 \text{ lần} = \mathbf{500.000 \text{ đồng/m}^2}$ .

+ Đối với đất mặt tiền đường có mặt đường rộng 6m Khu tái định cư Đồng Ngõ là:  $400.000 \text{ đồng/m}^2 \times 1,0 \text{ lần} = \mathbf{400.000 \text{ đồng/m}^2}$ .

- Giá đất quy định trong bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành nhân (x) hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất (tại Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh) nhân (x) với 1,3:

+ Đối với đất mặt tiền đường có mặt đường rộng 7m Khu tái định cư Đồng Ngõ là:  $500.000 \text{ đồng/m}^2 \times 1,0 \text{ lần} \times 1,3 = 650.000 \text{ đồng/m}^2$ .

+ Đối với đất mặt tiền đường có mặt đường rộng 6m Khu tái định cư Đồng Ngõ là:  $400.000 \text{ đồng/m}^2 \times 1,0 \text{ lần} \times 1,3 = 520.000 \text{ đồng/m}^2$ .

- Suất đầu tư hạ tầng của dự án Khu tái định cư Đồng Ngõ, thôn Phước Hiệp, xã Đức Hòa là: **2.173.282 đồng/m<sup>2</sup>** (theo Công văn số 2681/UBND-KTN ngày 13/6/2023 của UBND tỉnh).

**III. Phương án giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất tại Khu tái định cư Đồng Ao, thôn Phước Luông và Khu tái định cư Đồng Ngõ, thôn Phước Hiệp thuộc xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức phục vụ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025, qua xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi:**

1. Giá đất tính thu tiền sử dụng đất đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh (được sửa đổi tại Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 27/4/2023 của UBND tỉnh):

a) Khu tái định cư Đồng Ao, thôn Phước Luông, xã Đức Hòa:

- Đối với 05 lô đất (ký hiệu: *LK-01-01 đến LK-01-05*) mặt tiền đường có mặt đường rộng 7m với mức giá là **850.000 đồng/m<sup>2</sup>**.

- Đối với 13 lô đất (ký hiệu: *LK-01-06 đến LK-01-13; LK-02-06 đến LK-02-10*) mặt tiền đường có mặt đường rộng 6m với mức giá là **650.000 đồng/m<sup>2</sup>**.

b) Khu tái định cư Đồng Ngõ, thôn Phước Hiệp, xã Đức Hòa:

- Đối với 8 lô đất (ký hiệu: *LK-01-01 đến LK-01-04; LK-02-01 đến LK-02-04*) mặt tiền đường có mặt đường rộng 7m với mức giá là **500.000 đồng/m<sup>2</sup>**.

- Đối với 12 lô đất (ký hiệu: *LK-01-05 đến LK-01-07; LK-02-09 đến LK-02-17*) mặt tiền đường có mặt đường rộng 6m với mức giá là **400.000 đồng/m<sup>2</sup>**.

2. Giá đất tính thu tiền sử dụng đất đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh (được sửa đổi tại Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 27/4/2023 của UBND tỉnh):

a) Khu tái định cư Đồng Ao, thôn Phước Luông, xã Đức Hòa:

Đối với 17 lô đất, gồm 04 lô đất (ký hiệu: *LK-02-01 đến LK-02-04*) mặt tiền đường có mặt đường rộng 7m và 13 lô đất (ký hiệu: *LK-01-14 đến LK-01-20; LK-02-11 đến LK-02-13; LK-03-03 đến LK-03-04; LK-04-01*) mặt tiền đường có mặt đường rộng 6m với mức giá là **2.046.655 đồng/m<sup>2</sup>**.

b) Khu tái định cư Đồng Ngõ, thôn Phước Hiệp, xã Đức Hòa:

Đối với 20 lô đất, gồm 08 lô đất (ký hiệu: *LK-02-05 đến LK-02-08; LK-03-01 đến LK-03-04*) mặt tiền đường có mặt đường rộng 7m và 12 lô đất (ký hiệu: *LK-02-18; LK-03-09 đến LK-03-18; LK-04-05*) mặt tiền đường có mặt đường rộng 6m với mức giá là **2.173.282 đồng/m<sup>2</sup>**.

3. Giá đất tính thu tiền sử dụng đất đối với trường hợp lô đất có diện tích đất quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 23 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh (được sửa đổi tại Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 27/4/2023 của UBND tỉnh):

a) Khu tái định cư Đồng Ao, thôn Phước Luông, xã Đức Hòa:

- Đối với 12 lô đất (ký hiệu: *LK-03-05 đến LK-03-09; LK-04-02 đến LK-04-08*) mặt tiền đường có mặt đường rộng 6m: Phần diện tích đất quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND có mức giá là **650.000 đồng/m<sup>2</sup>**; Phần diện tích đất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND có mức giá là **2.046.655 đồng/m<sup>2</sup>**.

- Đối với 03 lô đất (ký hiệu: *LK-02-05; LK-03-01 đến LK-03-02*) mặt tiền đường có mặt đường rộng 7m: Phần diện tích đất quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND có mức giá là **850.000 đồng/m<sup>2</sup>**; Phần diện tích đất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND có mức giá là **2.046.655 đồng/m<sup>2</sup>**.

b) Khu tái định cư Đồng Ngõ, thôn Phước Hiệp, xã Đức Hòa:

- Đối với 12 lô đất (ký hiệu: *LK-04-06 đến LK-04-12; LK-05-01 đến LK-05-05*) mặt tiền đường có mặt đường rộng 6m: Phần diện tích đất quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND có mức giá là **400.000 đồng/m<sup>2</sup>**; Phần diện tích đất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND có mức giá là **2.173.282 đồng/m<sup>2</sup>**.

- Đối với 08 lô đất (ký hiệu: *LK-03-05 đến LK-03-08; LK-04-01 đến LK-04-04*) mặt tiền đường có mặt đường rộng 7m: Phần diện tích đất quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND có mức giá là **500.000 đồng/m<sup>2</sup>**; Phần diện tích đất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND có mức giá là **2.173.282 đồng/m<sup>2</sup>**.

4. Giá đất tính thu tiền sử dụng đất tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 nêu trên chưa bao gồm hệ số 02 mặt tiền và được áp dụng trong năm 2023.

### **III. Một số nội dung kiến nghị có liên quan**

- Việc UBND huyện Mộ Đức xây dựng, đề xuất phương án giá đất tính thu tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư; Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp trình Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể thẩm định trước khi trình UBND tỉnh quyết định thực hiện theo nguyên tắc, trình tự quy định tại Điều 23 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh (được sửa đổi tại Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 27/4/2023 của UBND tỉnh).

- Việc xác định đối tượng giao đất, vị trí lô đất, diện tích đất tương ứng với các trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 23 Quyết định

số 75/2021/QĐ-UBND tại nơi tái định cư và giá trị suất đầu tư hạ tầng của dự án nơi tái định cư thuộc chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp huyện và đơn vị chủ đầu tư; Sở Tài nguyên và Môi trường không có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, đối chiếu.

Kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Sở Tài chính (TT HĐTD giá đất cụ thể);
- Q.GĐ, các PGĐ Sở TN&MT;
- Lưu: VT, QLDD<sub>(Cn-tn)</sub>.

**Q. GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Đức Trung**